TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/**2025/HS-ST

Ngày: 24/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Phước

2/ Bà Đinh Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Linh -Kiểm sát viên

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Phạm Trần Ngọc B,** Sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi thường trú: khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre
- Nơi ở hiện tại: nhà trọ H1 thuộc ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Làm thuê.
- Trình độ học vấn: 09/12.
- Con ông: Phạm Ngọc P và bà: Trần Thị Hồng T,
- Bị cáo chưa có vợ, con
- Tiền án, tiền sự: không có

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ 05/9/2024 cho đến nay.

2. Họ tên: **Nguyễn Ngọc T1,** Sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Không.
- Trình độ học vấn: 07/12.
- Con ông: Nguyễn Ngọc S và bà: Phạm Thị P1,

- Vợ: Phạm Thị Thùy T2;

- Tiền án, tiền sự: không có

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ 05/9/2024 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

4. Bà Trần Thị C, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bà Huỳnh Mỹ K, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị Thùy T2, sinh năm 2003. Địa chỉ: ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

4. Bà Trần Thị Mỹ P2, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

5. Ông Hồ Nhật T3, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2024 đến ngày 02/9/2024 Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc T1 đã liên tiếp thực hiện 04 (Bốn) vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện C và thành phố B, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 03/7/2024, Phạm Trần Ngọc B sử dụng tài khoản Messenger "Phạm Trần Ngọc B" nhắn tin cho tài khoản "Nguyễn Ngọc T1" để rủ Nguyễn Ngọc T1 tìm tài sản cướp giật thì được T1 đồng ý. Đến chiều cùng ngày, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario màu xanh đen, biển kiểm soát 71B4-286.67 đến nhà rước T1. Sau đó, T1 điều khiển xe chở B đi dọc

theo các tuyến đường tìm người có tài sản, khi đang di chuyển theo hướng từ ngã tư T về chợ P4 thì B phát hiện bà Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave Alpha màu đỏ lưu thông ngược chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18k, dây dạng ống trọng lượng 5,5 chỉ, mặt dây chuyền hình tròn, có đính đá xung quanh trọng lượng 1,5 chỉ) nên B đã nói cho T1 biết, T1 quay xe lại đuổi theo bà H. Khi đến đoạn đường ĐX02 thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, thấy vắng người Tân tăng ga, áp sát phía bên trái xe, B ngồi sau dùng tay giật lấy sợi dây chuyền đang đeo trên cổ bà H, khi B giật được sợi dây chuyền thì T1 tăng ga và cả hai tẩu thoát về hướng xã S, thành phố B. Sau đó, T1 chở B đến tiệm V ở khu vực chợ T7 do bà Trần Thị Mỹ P2, làm chủ, T1 đem sợi dây chuyền vừa giật được bán với số tiền 28.800.000 đồng, chia nhau mỗi người 14.400.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được. Đến ngày 04/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre mời Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc T1 về làm việc. Qua làm việc, B và T1 đã thừa nhận hành vi cướp giật tài sản.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Phạm Trần Ngọc B:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xanh-đen, biển số 71B4-286.67;

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, tay áo có viền sọc màu xanh, phía sau có chữ “BEAVER”;

+ 01 (một) quần tây dài màu đen;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh;

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc T1:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 71C3-349.50;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng gold

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1481/KL-HĐĐG ngày 04/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: một sợi dây chuyền vàng 18k, dạng ống trọng lượng 5,5 chỉ, mặt dây chuyền hình tròn, có đính đá xung quanh trọng lượng 1,5 chỉ, tổng trọng lượng là 7 chỉ trị giá 40.035.100 đồng.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 356/KLTTCT-TTPYBT ngày 17/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị H là 05% (Năm phần trăm)

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Ngọc T1 đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 20.017.550 đồng để khắc phục hậu quả, bị hại không yêu cầu T1 bồi

thường gì thêm. Đồng thời bà H yêu cầu Phạm Trần Ngọc B bồi thường số tiền 20.017.550 đồng (B đồng ý nhưng chưa bồi thường).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xanh-đen, biển kiểm soát 71B4-286.67, quá trình điều tra xác định do Huỳnh Mỹ K, đứng tên chủ sở hữu, K cho B mượn xe để đi mua đồ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ.

Đối với điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh của Phạm Trần Ngọc B và một điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng gold của Nguyễn Ngọc T1, đây là phương tiện Bội, T1 sử dụng trong việc liên lạc để đi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ.

Đối với 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) áo khác dài tay màu đen, tay áo có viền sọc màu xanh, phía sau có chữ "BEAVER"; 01 (một) quần tây dài màu đen của Phạm Trần Ngọc B, đây là trang phục do B mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 23/7/2024, Phạm Trần Ngọc B điều khiển xe mô tô Honda Vario màu xanh-đen, biển số 71B4 – 286.67 đến nhà của Nguyễn Ngọc T1. Sau đó T1 điều khiển xe chở B ngồi sau quan sát, tìm bị hại. Khi đến khu vực ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre, B phát hiện bà Phan Thị Kim L, đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36P8-9388 lưu thông theo hướng ngược lại, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng (dây dạng ống bằng vàng 18k, không có mặt, trọng lượng 7,5 chỉ) nên nói cho T1 biết. T1 quay đầu xe chạy theo phía sau xe của bà L, đến đoạn đường vắng T1 tăng ga, vượt lên, áp sát phía bên trái xe, B dùng tay giật sợi dây chuyền trên cổ bà L. Khi giật được B thông báo cho T1 biết, T1 tăng ga tẩu thoát về hướng Ủy ban nhân dân xã Q. Sau đó, T1 chở B đến khu vực chợ Đ-thành phố B (không nhớ tên tiệm vàng) bán được số tiền 28.400.000 đồng và chia nhau mỗi người 14.200.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐG ngày 12/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: tại thời điểm bị chiếm đoạt, sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 7,5 chỉ trị giá 43.288.500 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Ngọc T1 đã bồi thường cho bà Phan Thị Kim L số tiền 21.644.250 đồng để khắc phục hậu quả, bà L không yêu cầu T1 bồi thường gì thêm. Đồng thời bà L yêu cầu Phạm Trần Ngọc B bồi thường số tiền 21.644.250 đồng (Bội chưa có tiền bồi thường).

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 15/8/2024, Nguyễn Ngọc T1 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh-đen, biển kiểm soát 71C3–349.50 đến nhà trọ H1 thuộc ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre để rước Phạm Trần Ngọc B. Sau đó T1 điều khiển xe chở B di chuyển theo các tuyến đường trên địa bàn thành phố B

và huyện G, tỉnh Bến Tre. Khi lưu thông đến khu vực ấp N, xã N, thành phố B, B phát hiện bà Nguyễn Thị N, đang điều khiển xe mô tô LEAD màu xanh, biển kiểm soát 71B4-102.69 chở theo cháu Lê Hữu T4, sinh năm 2021 lưu thông ngược chiều, trên cổ có đeo dây chuyền vàng (dây dạng ống bằng vàng 18k trọng lượng 5,648 chỉ; mặt bằng vàng 18k đính đá màu xanh khối lượng 6,0919 gam) nên báo cho T1 biết. T1 quay đầu xe, chạy theo phía sau xe của bà N, quan sát thấy đường vắng T1 tăng ga, vượt lên, áp sát phía bên trái xe, B dùng tay giật lấy sợi dây chuyền trên cổ bà N làm mặt dây chuyền rớt xuống đường. Lúc này, T1 biết đã giật được dây chuyền nên tăng ga tẩu thoát về hướng xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau đó T1 chở B đến tiệm V1 thuộc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do Hồ Nhật T3, làm chủ bán sợi dây chuyền vừa giật được số tiền 23.800.000 đồng T1 và B chia nhau mỗi người 11.900.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị giật dây chuyền bà N đến trình báo công an xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre để được giải quyết và giao nộp vật chứng.

Vật chứng thu giữ: một mặt dây chuyền vàng 18k, có đính một viên đá màu xanh, tổng khối lượng cả đá là 6,0919 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 941/KL-HĐĐG ngày 15/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: tại thời điểm bị chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 5,648 chỉ và mặt bằng vàng 18k đính đá màu xanh khối lượng 6,0919 gam trị giá 38.967.600 đồng;

Quá trình giải quyết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho bà Nguyễn Thị N một mặt dây chuyền vàng 18k, có đính một viên đá màu xanh, tổng khối lượng cả đá là 6,0919 gam. Hiện bà N đã nhận lại số tiền 15.720.643 đồng do phía gia đình Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện khắc phục hậu quả và không yêu cầu Nguyễn Ngọc T1 bồi thường gì thêm. Đồng thời bà N yêu cầu Phạm Trần Ngọc B bồi thường số tiền 15.720.643 đồng (Bội chưa có tiền bồi thường).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 71C3-349.50 mà Nguyễn Ngọc T1 và Phạm Trần Ngọc B sử dụng phương tiện đi cướp giật tài sản vào ngày 15/8/2024 là của Phạm Thị Thùy T2 (vợ của T1) do Nguyễn Văn T5, sinh năm 1999, nơi cư trú ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre đứng tên sở hữu, xe mô tô được T2 mua bằng tiền riêng của T2 (chưa kịp làm thủ tục sang tên). T2 không biết việc T1 sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ.

Vụ thứ tư: Khoảng 06 giờ ngày 02/9/2024, Phạm Trần Ngọc B điều khiển xe mô tô Honda Vario màu xanh-đen, biển kiểm soát 71B4 – 286.67 đến rước Nguyễn Ngọc T1. Sau đó, B giao xe mô tô cho T1 điều khiển, B ngồi sau xe quan sát, tìm bị hại. T1 điều khiển xe môtô chở B đi dọc theo tuyến quốc lộ E rẽ vào đường liên xã T - T, khi đến khu vực ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, B phát hiện bà Trần Thị C, đang điều khiển xe đạp, lưu thông theo hướng ngược lại, trên

cổ có đeo dây chuyền vàng (dây dạng ống bằng vàng 18k, có mặt cẩm thạch hình quan âm, tổng trọng lượng 3,838 chỉ) nên báo cho T1 biết. T1 quay đầu xe, chạy theo phía sau xe của bà C, đến đoạn đường vắng T1 tăng ga, vượt lên, áp sát phía bên trái xe để B dùng tay giật sợi dây chuyền trên cổ bà C, khi B giật được sợi dây chuyền thì báo cho T1 biết, T1 tăng ga chạy về hướng xã T để tẩu thoát. Sau đó, T1 chở B đến khu vực chợ Đ - thành phố B (không nhớ tên tiệm vàng) bán sợi dây chuyền vừa giật được số tiền 16.700.000 đồng, cả hai chia đều và tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 152/KL-HĐĐG ngày 12/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: một sợi dây chuyền vàng 18k, dạng dây cong HQ, trọng lượng là 3,538 chỉ trị giá 21.469.000 đồng; một mặt dây chuyền cẩm thạch hình phật có ốp vàng 18k, trọng lượng 0,3 chỉ trị giá 1.820.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 23.289.000 đồng.

Quá trình giải quyết, gia đình Nguyễn Ngọc T1 đã bồi thường cho bà Trần Thị C số tiền 11.644.500 đồng để khắc phục hậu quả, bà C không yêu cầu T1 bồi thường gì thêm. Đồng thời bà C yêu cầu Phạm Trần Ngọc B bồi thường số tiền 11.644.500 đồng (Bội chưa có tiền bồi thường)

Quá trình điều tra, Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bốn lần chiếm đoạt là 145.580.200 đồng

Cáo trạng số 40/CT-VKSCT ngày 26/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc T1 "*Tội cướp giật tài sản"* được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc T1 phạm "*Tội cướp giật tài sản"*

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Trần Ngọc B ***từ 06 năm đến 08 năm tù.***

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 ***từ 05 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.***

- *Xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị hội đồng xét xử

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1 mặt dây chuyền vàng 18k, có đính một viên đã màu xanh, tổng khối lượng cả đá là 6,0919gam;

- Trả lại cho Huỳnh Mỹ K: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xanh-đen, biển số 71B4-286.67;

- Trả lại cho Phạm Thị Thùy T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 71C3-349.50;

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, tay áo có viền sọc màu xanh, phía sau có chữ "BEAVER";

+ 01 (một) quần tây dài màu đen;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng gold

- *Trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 468 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã tác động gia đình bồi thường đã bồi thường cho người bị hại: bà Nguyễn Thị H số tiền 20.017.550 đồng; bà Phan Thị Kim L số tiền 21.644.250 đồng; bà Nguyễn Thị N số tiền 15.720.643 đồng và bà Trần Thị C số tiền 11.644.500 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Trần Ngọc B có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 20.017.550 đồng; bà Phan Thị Kim L số tiền 21.644.250 đồng; bà Nguyễn Thị N số tiền 15.720.643 đồng và bà Trần Thị C số tiền 11.644.500 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và tại lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử; Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra như: lời khai của người bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản. Từ cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do động cơ tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2024 đến ngày 02/9/2024, Nguyễn Ngọc T1, đã bốn lần điều khiển xe mô tô chở Phạm Trần Ngọc B, thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại, trong khi những bị hại đang di chuyển trên đường bằng xe đạp hoặc xe mô tô. Cụ thể: ngày 03/7/2024 cướp giật của bà Nguyễn Thị H một sợi dây chuyền vàng 18k, dạng ống trọng lượng 5,5 chỉ, mặt dây chuyền hình tròn, có đính đá xung quanh trọng lượng 1,5 chỉ, tổng trọng lượng là 7 chỉ có giá trị 40.035.100 đồng; ngày 23/7/2024 cướp giật của bà Phan Thị Kim L một sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 7,5 chỉ trị giá 28.400.000 đồng; ngày 15/8/2024 cướp giật của bà Nguyễn Thị N một sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 5,648 chỉ và mặt bằng vàng 18k đính đá màu xanh khối lượng 6,0919 gam trị giá 38.967.600 đồng; ngày 02/9/2024 cướp giật của bà Trần Thị C một sợi dây chuyền vàng 18k, dạng dây cong HQ, trọng lượng 3,538 chỉ và một mặt dây chuyền cẩm thạch hình phật có ốp vàng 18k, trọng lượng 0,3 chỉ có giá trị 23.289.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá 145.580.200 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Phạm Trần Ngọc B và Nguyễn Ngọc Tân P3 "*Tội cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu và quyền nhân thân của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương bị cáo phạm tội, gây tâm lý bất an cho người dân trong lao động và sinh hoạt thường ngày. Do đó phải có mức hình phạt thích đáng đối với hành vi các bị cáo đã gây ra.

[4] *Xét vai trò đồng phạm*: các bị cáo cùng nhau thống nhất việc đi cướp giật tài sản của người khác, do đó, các bị cáo bị xử lý theo chế định đồng phạm. Trong đó, vai trò của bị cáo B là người xúi giục, rủ rê, khởi xướng việc đi Cướp giật tài sản, đồng thời cũng là người thực hành tích cực, trực tiếp giật tài sản của bị hại. Bị cáo T1 thực hiện với vai trò giúp sức, chở bị cáo B, áp sát bị hại tạo điều kiện cho

bị cáo Bội thực hiện hành vi phạm tội, sau đó chở bị cáo B tẩu thoát. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo B, cao hơn bị cáo T1 là phù hợp.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Trong vụ án này, với thời gian khoảng 2 tháng, các bị cáo thực hiện 4 vụ cướp giật ở nhiều địa bàn khác nhau, nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho T1 là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] *Về nhân thân*: các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và bản tính xem thường pháp luật, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội nhằm đe và phòng ngừa chung nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đã tác động gia đình bồi thường cho những người bị hại xong, người bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo T1.

Ghi nhận ông Nguyễn Ngọc S không có yêu cầu gì đối với số tiền mà ông S thay mặt bị cáo T1 bồi thường cho bị hại.

Buộc bị cáo Phạm Trần Ngọc B có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 20.017.550 đồng; bà Phan Thị Kim L số tiền 21.644.250 đồng; bà Nguyễn Thị N số tiền 15.720.643 đồng và bà Trần Thị C số tiền 11.644.500 đồng.

[9] *Về xử lý vật chứng:*

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1 mặt dây chuyền vàng 18k, có đính một viên đã màu xanh, tổng khối lượng cả đá là 6,0919gam;

- Trả lại cho Huỳnh Mỹ K: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xanh-đen, biển số 71B4-286.67;

- Trả lại cho Phạm Thị Thùy T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 71C3-349.50;

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, tay áo có viền sọc màu xanh, phía sau có chữ "BEAVER";

+ 01 (một) quần tây dài màu đen;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng Gold

[10] Xét hành vi các đối tượng khác: Huỳnh Mỹ K và Phạm Thị Thùy T2 cho Phạm Trần Ngọc B, Nguyễn Ngọc T1 mượn xe mô tô tuy nhiên K và T2 không biết các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên không xử lý là phù hợp. Đối với Trần Thị Mỹ P2, Hồ Nhựt T6 là người mua vàng do Nguyễn Ngọc T1 và Phạm Trần Ngọc B bán nhưng ngay tình, không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Phạm Trần Ngọc B phải chịu là: 69.026.943đ x 5% = 3.451.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Trần Ngọc B, Nguyễn Ngọc Tân P3 " *Tội cướp giật tài sản"*;

[1] Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Trần Ngọc B ***06 (Sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.***

Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2024.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 ***05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.***

Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2024.

[3] *Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;*

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Trần Ngọc B có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 20.017.550đ (Hai mươi triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm năm mươi đồng); bà Phan Thị Kim L số tiền 21.644.250đ (hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng); bà Nguyễn Thị N số tiền 15.720.643đ (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng) và bà Trần Thị C số tiền 11.644.500đ (Mười một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Huỳnh Mỹ K: 01 (một) xe mô tô Honda Vario màu xanh-đen, biển số 71B4-286.67;

- Trả lại cho Phạm Thị Thùy T2: 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển số 71C3-349.50;

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen;

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, tay áo có viền sọc màu xanh, phía sau có chữ "BEAVER";

+ 01 (một) quần tây dài màu đen;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh; (không lên nguồn)

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 8 màu vàng Gold (không lên nguồn).

(*Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.)*

[5] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*; *Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Trần Ngọc B, Nguyễn Ngọc T1, mỗi bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Phạm Trần Ngọc B chịu án phí dân sự 3.451.000đ (ba triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- CQ THAHS CA tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Tiên Thủy và xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu